

Số: 23673/VCB-CLTG&TKTH

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2022

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021¹:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (hợp nhất)	Kế hoạch 2021 do ĐHĐCĐ giao		Thực hiện đến 31/12/2021 (hợp nhất)		
		%	Quy đổi số tuyệt đối	Giá trị	Tốc độ tăng trưởng sv 2020 (%)	% sv KH 2021
Tổng tài sản (% tăng)	1.326.230	5%	1.392.542	1.414.673	7%	101%
Dư nợ tín dụng (% tăng)	845.128	15% (*)	971.897	972.680	15%	104%
Huy động vốn (% tăng)	1.053.354	7%	1.127.089	1.152.712	9,4%	102%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (% tăng)	23.050	11%	25.586	27.389	19%	106%
Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	22.526	25.400 (**)		26.457	17%	104%
Tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng	0,62%	< 1%		0,63%		

(*) Ngày 23/11/2021 VCB đã nhận được Công văn 8285/NHNN-CSTT v.v chấp thuận điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2021 lên mức 15%, VCB đã đảm bảo kiểm soát tăng trưởng tín dụng năm 2021 trong kế hoạch được NHNN giao.

(**) Kế hoạch lợi nhuận trước thuế riêng lẻ 2021 theo kế hoạch NHNN giao tại công văn 5674/NHNN-TCKT ngày 06/08/2021

¹ Số liệu tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán

 1

Năm 2021, thế giới tiếp tục chứng kiến sự hoành hành của đại dịch COVID-19 với nhiều biến chủng nguy hiểm, gây tổn thất nặng nề về con người và kinh tế xã hội. Tại Việt Nam, nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách, phong tỏa kéo dài làm gián đoạn sản xuất, đứt gãy chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh phải đối mặt với những khó khăn chung của đất nước, VCB đã đạt và vượt các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao. Cụ thể:

- **Về quy mô:**

- + Tổng tài sản của VCB tính đến 31/12/2021 đạt 1.414.673 tỷ đồng, tăng 7% so với thời điểm cuối năm 2020, đạt 101% kế hoạch năm 2021 do ĐHĐCĐ giao.
- + Tổng huy động vốn tính đến 31/12/2021 đạt 1.152.712 tỷ đồng, tăng 9,4% so với thời điểm cuối năm 2020 và đạt 102% kế hoạch năm 2021 do ĐHĐCĐ giao.
- + Dự nợ tín dụng đến 31/12/2021 đạt 972.680 tỷ đồng, tăng 15% so với thời điểm cuối năm 2020, kiểm soát trong mức trần tăng trưởng tín dụng theo quy định của NHNN và đạt 104% kế hoạch năm 2021 do ĐHĐCĐ giao.

- **Về chất lượng tín dụng:**

Tỷ lệ nợ xấu của VCB ở mức 0,63%; trong khi dự quỹ dự phòng rủi ro ở mức 25.976 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng đạt mức ~ 424%, cao nhất ngành ngân hàng.

- **Về hiệu quả:**

- + Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.912 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 27.389 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2020 và đạt 106% kế hoạch năm 2021 do ĐHĐCĐ giao. Lợi nhuận riêng lẻ trước thuế đạt 26.457 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2020 và đạt 104% kế hoạch năm 2021 do ĐHĐCĐ giao.
- + Chỉ số hiệu quả ROAA và ROAE tăng cao so với năm 2020, đạt mức 1,60% và 21,59%.

- **Về tình hình chấp hành các tỷ lệ an toàn hoạt động:** Các tỷ lệ an toàn của VCB luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng tiêu chuẩn của Basel II. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ của VCB tại 31/12/2021 theo quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN là ~ 9,31.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. *Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên:*

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Tên dự án	Số lượng dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB dự kiến phê duyệt	Số tiền đã giải ngân
I	Các dự án được NHNN phê duyệt	53	10.144.974,00	9.144.870,00	3.498.233,00
1	Các dự án đã hoàn thành	29	5.469.576,00	5.310.402,00	3.259.719,83
2	Các dự án đang triển khai, thực hiện	24	4.675.398,00	4.599.040,00	238.513,00
II	Các dự án do VCB phê duyệt	-	-	-	-
1	Các dự án đã hoàn thành	-	-	-	-
2	Các dự án đang triển khai, thực hiện	-	-	-	-
	Tổng cộng (I+II)	53	10.144.974,00	9.144.870,00	3.498.233,00

Như vậy, trong năm 2021 VCB không phát sinh dự án nhóm A, B do Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chi tiết Tình hình thực hiện dự án nhóm A, B đã được NHNN phê duyệt chủ trương đến 21/12/2021 tại Phụ lục 01 đính kèm.

2. **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

- *Về giá trị vốn đầu tư:* Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng giá trị vốn đầu tư của VCB là 5.778,69 tỷ đồng², chiếm 13,76% vốn điều lệ và Quỹ DTBSVĐL. Danh mục đầu tư gồm có 9 công ty con (chiếm 71,1% tổng danh mục), 1 công ty liên kết và 11 khoản đầu tư dài hạn khác (28,9% tổng danh mục).

- *Tình hình thực hiện các dự án tăng/giảm vốn đầu tư:* Trong năm 2021, VCB đã thực hiện tăng vốn đầu tư tại Công ty tài chính Việt Nam tại Hongkong (VFC) – thực

² Số liệu không bao gồm dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

hiện trong Quý 1/2021 và VNA – thực hiện trong Quý 3/2021 và đã báo cáo cụ thể tại các kỳ báo cáo gửi NHNN. Trong quý 4/2021, VCB đã thực hiện bán 587.000 cổ phiếu VNA và mang lại khoản lợi nhuận là 3,93 tỷ đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đến tháng hết năm 2021, VCB có 5 công ty con do VCB nắm giữ 100% vốn điều lệ (VCB Lào, VCBL, VCBR, VCBS, VFC) và 4 công ty con do VCB nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (VBB, VCBF, VCBM, VCBT). Các công ty con của VCB đều hoạt động hiệu quả, kinh doanh có lãi và ghi nhận nhiều kết quả tích cực.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con do VCB nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank (VCBL) là Công ty do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 145,11 tỷ đồng, tăng trưởng 14,3% so với năm trước.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS) là công ty do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Năm 2021, tuy thị trường chứng khoán có nhiều biến động nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh tích cực. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2021 đạt 729,33 tỷ đồng, vượt 127,83% kế hoạch được giao.

Công ty tài chính Việt Nam tại HongKong (VFC) là công ty con do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2021 đạt 0,71 tỷ đồng, vượt kế hoạch được giao.

Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank (VCBR) là công ty con do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2021 đạt 9,53 tỷ đồng vượt kế hoạch được giao.

Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào (VCB Lào) là ngân hàng con do VCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào, chính thức hoạt động từ tháng 07/2018. Trong năm 2021, VCB Lào hoạt động tương đối hiệu quả, doanh thu đạt 122,7 tỷ đồng (tăng trưởng 67% so với năm trước), lợi nhuận trước thuế đạt 47,27 tỷ đồng (tăng trưởng 22,34% so với năm trước).

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con do VCB nắm giữ trên 50% vốn điều lệ như sau:

Công ty Chuyển tiền Vietcombank (VCBM) là công ty con do VCB nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền kiều hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Trong năm 2021, VCBM duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 18,68 tỷ đồng, vượt 41% kế hoạch được giao.

Công ty liên doanh TNHH Cao ốc Vietcombank 198 (VCBT) là công ty liên doanh giữa VCB và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2021 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định với tỷ lệ cho thuê đạt 100%, lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 74,91 tỷ đồng, vượt 2,1% kế hoạch được giao.

Công ty liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Benthanh (VBB) là công ty liên doanh giữa VCB với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%. VBB hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng tại tòa nhà Vietcombank địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc của Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Cuối năm 2021, trên 90% diện tích cho thuê của tòa nhà đã được lấp đầy. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 191,77 tỷ đồng, vượt 2,4% kế hoạch được giao.

Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF) là công ty liên doanh giữa VCB và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Lợi nhuận trước thuế của VCBF năm 2021 đạt 27,07 tỷ đồng, vượt 116,5% kế hoạch được giao.

Chi tiết Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty con do VCB nắm cổ phần chi phối tại Phụ lục 02 đính kèm

Nơi nhận:

- Vụ TCKT NHNN (để b/c);
- TV HĐQT (để biết);
- Người CBTT theo ủy quyền (để biết);
- Lưu: Ban CLTG&TKTH.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Dũng

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÓM A, B
ĐÃ ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẾN 31/12/2021

Phụ lục 0

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng số dự án: 53 dự án, trong đó:	10.144.974	9.144.870	-	-	9.144.870		3.498.233,00
	Dự án đã hoàn thành: 29 dự án	5.469.576	5.310.402	-	-	5.310.402		3.259.719,83
	Dự án đang triển khai: 24 dự án	4.675.398	4.599.040	-	-	4.599.040		238.513,00
A	Dự án đầu tư XDCB	2.597.535	2.555.534	-	-	2.555.534		1.033.743,24
I	Các dự án đã hoàn thành	1.058.320	1.022.344	-	-	1.022.344		804.851,70
1	Dự án xây dựng kho lưu trữ tài liệu tập trung cho các CN trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận tại tỉnh Long An	373.295	373.295	-	-	373.295	Từ tháng 10/2016 đến tháng 11/2019	314.826,25
2	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Cần Thơ	92.291	92.291	-	-	92.291	Từ tháng 11/2017 đến tháng 03/2021	75.938,40
3	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Thủ Đức	109.700	102.754	-	-	102.754	Từ tháng 01/2017 đến tháng 03/2021	77.045,85
4	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Bắc Sài Gòn	83.124	80.315	-	-	80.315	Từ tháng 04/2017 đến tháng 04/2020	66.469,22

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
5	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Lạng Sơn	77.044	66.920	-	-	66.920	Từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2021	53.757,29
6	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Phú Yên	83.109	83.109	-	-	83.109	Từ tháng 06/2017 đến tháng 06/2020	55.933,05
7	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Kon Tum	80.529	80.529	-	-	80.529	Từ tháng 10/2016 đến tháng 05/2019	64.593,63
8	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Quảng Trị	83.000	72.246	-	-	72.246	Từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2021	54.193,76
9	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Lào Cai	76.228	70.885	-	-	70.885	Từ tháng 01/2018 đến tháng 09/2021	42.094,23
II	Các dự án đang triển khai thực hiện	1.539.215	1.533.190	-	-	1.533.190		228.891,54
1	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Đồng Tháp	83.000	80.320	-	-	80.320	Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2021	40.857,76
2	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Bạc Liêu	70.963	69.101	-	-	69.101	Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2021	35.760,57
3	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Tân Định	99.000	97.517	-	-	97.517	Từ tháng 02/2018 đến tháng 09/2023	26.912,38

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
4	Dự án xây dựng văn phòng, Trung tâm lưu trữ, dự phòng tin học của Vietcombank tại Khu CNC Hòa Lạc	87.873	87.873	-	-	87.873	Tháng 10/2016 (NHNN phê duyệt dự án)	1.406,07
5	Dự án xây dựng trụ sở chi nhánh Vietcombank Thành phố Hồ Chí Minh - số 10 Võ Văn Kiệt, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (Tên cũ: Vietcombank Bến Thành)	326.084	326.084	-	-	326.084	Tháng 06/2017 (NHNN phê duyệt dự án)	1.356,03
6	Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Vũng Tàu tại số 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	112.052	112.052	-	-	112.052	Từ tháng 05/2019 - đến tháng 05/2022	30.630,70
7	Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Hoàn Kiếm tại 78 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, HN	90.000	90.000	-	-	90.000	Từ tháng 03/2019 - đến tháng 03/2022	17.738,33
8	Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Đông Bình Dương tại lô A17a, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	85.000	85.000	-	-	85.000	Từ tháng 09/2019 - đến tháng 09/2022	1.706,55

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
9	Xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Phú Thọ tại Đường Trần Phú, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	90.000	90.000	-	-	90.000	Từ tháng 05/2019 - đến tháng 05/2022	36.968,39
10	Xây dựng trụ sở Vietcombank Thái Bình tại số 75 Lê Lợi, thành Phố Thái Bình	100.294	100.294	-	-	100.294	Từ tháng 08/2019 đến tháng 08/2022	32.729,58
11	Xây dựng trụ sở Vietcombank Bình Dương tại số 314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	110.669	110.669	-	-	110.669	Từ tháng 09/2019 - đến tháng 09/2022	2.027,80
12	Dự án Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm số hóa và Kho lưu trữ chứng từ kết hợp công trình văn hóa thể thao của VCB tại Bắc Ninh	284.280	284.280	-	-	284.280	Tháng 10/2020 (NHNN phê duyệt dự án)	797,37
B	Dự án mua sắm tài sản cố định	5.970.859	5.080.530			5.080.530		
I	Các dự án đã hoàn thành	3.620.907	3.557.030	-	-	3.557.030		1.753.630,00
1	Mua đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Phú Thọ	65.000	54.393	-	-	54.393	Triển khai thực hiện trong năm 2017	54.393,00
2	Mua nhà/đất làm trụ sở Chi nhánh Vietcombank Nam Định	145.300	136.050	-	-	136.050	Triển khai thực hiện năm 2016-2017	136.050,00

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
3	Mua QSH tài sản trên đất làm trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Hoàng Mai	184.487	184.487	-	-	184.487	Triển khai thực hiện năm 2017-2018	184.487,00
4	Mua trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Tuyên Quang	80.000	75.700	-	-	75.700	Triển khai thực hiện năm 2018	75.700,00
5	Mua đất và xây dựng trụ sở làm việc cho chi nhánh Vietcombank Ninh Bình	140.000	139.300	-	-	139.300	Triển khai thực hiện năm 2017-2018	139.300,00
6	Mua trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Thành Công	400.000	368.700	-	-	368.700	Triển khai thực hiện năm 2017-2018	368.700,00
7	Nhận chuyển nhượng QSD đất và TS trên đất làm Trung tâm đào tạo Vietcombank	795.000	795.000	-	-	795.000	Triển khai thực hiện năm 2017-2019	795.000,00
8	Mua đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Bình Phước	87.500	87.500	-	-	87.500	Triển khai thực hiện theo thông báo đấu giá của Tỉnh Bình Phước	
9	Mua trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Thanh Xuân, Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt và Ban hiện hóa ngân hàng, Trung tâm dịch vụ khách hàng của Vietcombank	460.000	460.000	-	-	460.000	Dừng triển khai dự án do QSD đất và QSH tài sản trên đất của Bên Bán không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để chuyển nhượng cho VCB. VCB đã chuyển sang hình thức thuê tài sản hoạt động.	

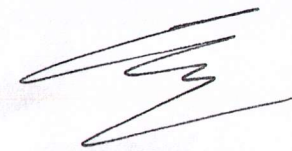


STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
10	Mua đất xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Vietcombank Bến Tre	64.400	64.400	-	-	64.400	Dừng triển khai dự án do UBND Tỉnh Bến Tre thay đổi quy hoạch khu đất và không tổ chức đấu giá.	
11	Mua trụ sở cho Chi nhánh Vietcombank Sở Giao dịch	848.720	841.000	-	-	841.000	Dừng triển khai dự án do QSD đất và QSH tài sản trên đất của Bên Bán không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để chuyển nhượng cho VCB. VCB đã chuyển sang hình thức thuê tài sản hoạt động.	
12	Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Thái Nguyên	200.000	200.000	-	-	200.000	VCB không triển khai dự án do Bên Bán thay đổi kế hoạch không có nhu cầu bán tài sản	
13	Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Hòa Bình (đấu giá)	150.500	150.500	-	-	150.500	VCB không triển khai thực hiện do tài sản có mức giá khởi điểm cao hơn tổng mức đầu tư được NHNN phê duyệt	
II	Các dự án đang triển khai thực hiện	2.349.952	2.288.072	-	-	2.288.072		-

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
1	Mua Trụ sở chính Vietcombank	1.253.500	1.253.500	-	-	1.253.500	Thời gian triển khai dự án dự kiến từ năm 2021-2022	
2	Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Tân Sơn Nhất	270.000	270.000	-	-	270.000	Không triển khai thực hiện do trong quá trình đàm phán, VCB và chủ sở hữu tài sản không thương thảo được giá trị chuyển nhượng phù hợp với mong muốn của Hai bên. VCB đang xem xét địa điểm khác phù hợp.	
3	Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Đắk Nông (đấu giá)	75.000	75.000	-	-	75.000	Triển khai thực hiện theo thông báo đấu giá của Tỉnh	
4	Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Đông Anh	142.000	142.000	-	-	142.000	Đang triển khai thực hiện 2022-2024	
5	Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Nghi Sơn	98.000	98.000	-	-	98.000	Đang triển khai thực hiện 2022-2024	
6	Mua trụ sở Chi nhánh Vietcombank Hội An	124.572	124.572	-	-	124.572	Đang triển khai thực hiện 2022-2024	



STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
7	Nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trụ sở Chi nhánh Vietcombank Yên Bái (đấu giá)	60.000	60.000	-	-	60.000	Đang triển khai thực hiện 2022-2024	
8	Thuê trụ sở Chi nhánh Vietcombank Ba Đình	326.880	265.000	-	-	265.000	Đang triển khai thực hiện trong năm 2022	
C	Các dự án mua sắm tài sản là thiết bị Công nghệ thông tin	1.576.580	1.508.806	-	-	1.508.806		710.859,91
I	Các dự án đã hoàn thành	790.349	731.028	-	-	731.028		701.238,13
1	Đầu tư mua sắm máy ATM, vật tư và dịch vụ đi kèm cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	141.407	141.407	-	-	141.407	Từ tháng 05/2017	141.407,00
2	Tên gói thầu: Triển khai nâng cấp mở rộng hệ thống lưu trữ tập trung và sao lưu dữ liệu cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	132.865	124.543	-	-	124.543	Thời gian triển khai dự án 14,5 tháng kể từ ngày quyết định đầu tư có hiệu lực (Quyết định đầu tư số 227/QĐ-HĐQT-TTCNTT ngày 15/02/2019)	124.543,00
3	Tên gói thầu: Triển khai giải pháp quản lý dịch vụ CNTT (ITSM) cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam	87.859	84.968	-	-	84.968	Thời gian triển khai dự án 15,5 tháng kể từ ngày quyết định đầu tư có hiệu lực (Quyết định đầu tư số 229/QĐ-HĐQT-TTCNTT ngày 18/02/2019)	84.968,00



STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
4	Tên gói thầu: Triển khai nâng cấp, mở rộng hệ thống máy chủ ảo hóa và máy chủ vùng an toàn bảo mật cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	85.702	77.851	-	-	77.851	Thời gian triển khai dự án 14,5 tháng kể từ ngày quyết định đầu tư có hiệu lực (Quyết định đầu tư số 221/QĐ-HĐQT-TTCNTT ngày 18/02/2019)	77.851,00
5	Tên gói thầu: Đầu tư giải pháp phần mềm hệ thống khởi tạo khoản vay cho khách hàng bán buôn tại Vietcombank (CLOS)	69.636	69.636	-	-	69.636	35 tháng từ (21/12/2017-20/11/2020)	69.636,00
6	Tên gói thầu: Trang bị hệ thống trực thanh toán (Hệ thống Payment Hub) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	159.180	119.280	-	-	119.280	Dự án được triển khai từ ngày 11/11/2019, Thời gian triển khai trong vòng 12 tháng, 02 tháng để hoàn thiện hồ sơ thanh toán/thanh lý hợp đồng	119.280,00
7	Tên gói thầu: Trang bị hệ thống trực thanh toán và quản lý dòng tiền (Hệ thống PCM) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	113.700	113.343	-	-	113.343	Dự án được triển khai từ ngày 05/06/2019, Thời gian triển khai trong vòng 18 tháng	83.553,13
II	Các dự án đang triển khai thực hiện	786.231	777.778	-	-	777.778		9.621,78



STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư NHNN phê duyệt	Tổng mức đầu tư VCB thực hiện	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn khác	Kế hoạch triển khai dự án	Số tiền đã giải ngân
1	Tên gói thầu: Thay thế phần mềm ghi nhận giao dịch, hạch toán và quản lý các giao dịch Vốn (phần mềm V-treasury) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	90.840	88.950	-	-	88.950	Tháng 02/2019 (dự kiến thời gian triển khai 36 tháng)	391,80
2	Tên gói thầu: Hệ thống thông tin quản lý toàn hàng và kho dữ liệu doanh nghiệp (MIS) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	156.725	155.576	-	-	155.576	37 tháng kể từ ngày Quyết định đầu tư Dự án được HĐQT phê duyệt (25/7/2019) (từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2022)	220,00
3	Đầu tư hệ thống Quản lý tài sản nợ - tài sản có và Chuyển giá vốn nội bộ (ALM/FTP)	98.666	93.252	-	-	93.252	Tháng 8/2019 (phê duyệt của HĐQT VCB)	9.009,98
4	Dự án Trung tâm dữ liệu dự phòng tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc	440.000	440.000	-	-	440.000	Dự kiến thời gian triển khai thực hiện dự án: 49 tháng (38 tháng triển khai thực hiện và 11 tháng lập hồ sơ quyết toán dự án)	



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO VCB NẤM CỔ PHẦN CHI PHỐI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
1	Các công ty con do VCB nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	1.748,28	1.820,40	2.138,68	122,70	47,28	37,54	-	9,74	269,37
1.2	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank	500,00	500,00	5.310,19	342,21	145,11	116,09	-	37,33	4.195,65
1.3	Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank	30,00	30,00	1.632,78	41,65	9,53	7,05	-	6,67	1.591,99
1.4	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	1.000,00	700,00	9.265,21	1.347,05	729,33	585,97	-	375,00	6.893,75
1.5	Công ty Tài chính Việt Nam tại HongKong	306,81	235,22	2.676,11	20,87	0,71	0,50	18,31	-	2.252,29
2	Các công ty con do VCB nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty Chuyển tiền Vietcombank	250,58	204,98	355,66	93,66	18,68	18,61	-	-	201,72
2.2	Công ty liên doanh TNHH Cao ốc Vietcombank 198	100,00	70,00	347,82	147,88	74,91	59,68	40,25	23,78	80,81
2.3	Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Benthah	789,16	410,36	1.404,92	414,67	191,77	153,23	53,27	73,67	294,20
2.4	Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	265,00	135,15	350,71	78,32	27,07	21,62	-	3,61	14,78